

Số: 156/KSBT-NS

Thái Bình, ngày 21 tháng 12 năm 2023

### THÔNG BÁO

#### Kết quả giám sát ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

##### I. Thông tin chung về cơ sở cấp nước:

- Tên cơ sở cấp nước: Nhà máy nước Đông Hưng
- Địa chỉ: xã Đông La – Đông Hưng – Thái Bình
- Đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần cấp nước Đông Hưng
- Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Tiên Hưng

##### II. Kết quả thử nghiệm chất lượng nước:

###### 1. Thông tin về mẫu thử nghiệm:

Thực hiện kế hoạch ngoại kiểm chất lượng nước năm 2023, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh phối hợp với Trung tâm y tế huyện Đông Hưng thực hiện hoạt động giám sát chất lượng nước (ngoại kiểm) 03 mẫu nước của Nhà máy nước Đông Hưng, cụ thể như sau:

- Mẫu số 01: Mẫu nước lấy tại vòi phát của cơ sở cấp nước.
- Mẫu số 02: Mẫu nước lấy vòi trực tiếp tại hộ gia đình Bà Mai Thị Duyên - KCN Đông La - Đông Hưng - Thái Bình.
- Mẫu số 03: Mẫu nước lấy vòi trực tiếp tại hộ gia đình Ông Nguyễn Duy Thủy - Phán Dũng – Đông Sơn - Đông Hưng - Thái Bình.

Mỗi mẫu thực hiện xét nghiệm 32 chỉ tiêu: 28 chỉ tiêu về hóa, lý và 04 chỉ tiêu về Vi sinh vật, kết quả cụ thể như sau:

**2. Kết quả thử nghiệm** (Kết quả số: 1836/2023KQTN-XN ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Bình):

###### a) Về chỉ tiêu hóa, lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
1.	Màu sắc (*)	SMEWW2120C:2017	TCU	< 0,6 <sup>(b)</sup>	< 0,6 <sup>(b)</sup>	< 0,6 <sup>(b)</sup>	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	-	Có mùi clor, vị lạ	Có mùi clor, vị lạ	Có mùi clor, vị lạ	Không có mùi vị lạ
3.	Độ đục	TCVN 12402-2:2022	NTU	0,4	0,39	0,65	2
4.	Độ pH (*)	TCVN 6492 : 2011	-	7,21	7,24	7,31	Trong khoảng 6,0-8,5
5.	Hàm lượng Asen (As) <sup>(*)</sup>	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,65x10 <sup>-3(b)</sup>	<0,65x10 <sup>-3(b)</sup>	<0,65x10 <sup>-3(b)</sup>	0,01
6.	Hàm lượng Clo dư	TCVN 6225-2:2021	mg/L	2,06	1,55	1,84	Trong



TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
	(*)						khoảng 0,2-1,0
7.	Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,009 <sup>(b)</sup>	<0,009 <sup>(b)</sup>	< 0,03 <sup>(a)</sup>	0,3
8.	Hàm lượng Stibium(Sb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<2,0x10 <sup>-3(b)</sup>	<2,0x10 <sup>-3(b)</sup>	<2,0x10 <sup>-3(b)</sup>	0,02
9.	Hàm lượng Bari (Ba)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	<0,15 <sup>(b)</sup>	<0,15 <sup>(b)</sup>	<0,15 <sup>(b)</sup>	0.7
10.	Hàm lượng Cadimi(*)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,33x10 <sup>-3(b)</sup>	<0,33x10 <sup>-3(b)</sup>	<0,33x10 <sup>-3(b)</sup>	0,003
11.	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186 : 1996	mg/L	0,512	0,512	0,512	2
12.	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	14,2	14,2	14,2	250 (hoặc 300)
13.	Hàm lượng Crom	SMEWW3113B:2017	mg/L	<0,67x10 <sup>-3(b)</sup>	<0,67x10 <sup>-3(b)</sup>	<0,67x10 <sup>-3(b)</sup>	0,05
14.	Hàm lượng Đồng(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,03 <sup>(b)</sup>	1
15.	Độ cứng (tính theo CaCO <sub>3</sub> ) (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	99	100	100	300
16.	Hàm lượng Kẽm	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,03 <sup>(b)</sup>	2
17.	Hàm lượng Mangan tổng số(*)	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,03 <sup>(b)</sup>	0,1
18.	Hàm lượng Natri(*)	TCVN 6660 : 2000	mg/L	5,09	5,35	4,71	200
19.	Hàm lượng Nitrat(NO <sub>3</sub> tính theo N) (*)	TCVN 6180 : 1996	mg/L	0,67	0,667	0,659	2
20.	Hàm lượng Nitrit (NO <sub>2</sub> tính theo N) (*)	TCVN 6178 : 1996	mg/L	<0,003 <sup>(b)</sup>	<0,003 <sup>(b)</sup>	<0,003 <sup>(b)</sup>	0,05
21.	Hàm lượng Sắt (tổng số) (*)	TCVN 6177 : 1996	mg/L	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,03 <sup>(b)</sup>	<0,03 <sup>(b)</sup>	0,3
22.	Hàm lượng Sulphate (*)	EPA.375.4	mg/L	8,24	8,27	8,25	250
23.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2017	mg/L	<0,3x10 <sup>-3(b)</sup>	<0,3x10 <sup>-3(b)</sup>	<0,3x10 <sup>-3(b)</sup>	0,001
24.	Tổng chất rắn hòa tan	SMEWW2540C:2017	mg/L	60	68	65	1000
25.	Hàm lượng Chì (Pb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	<1,6x10 <sup>-3(b)</sup>	<1,6x10 <sup>-3(b)</sup>	<1,6x10 <sup>-3(b)</sup>	0,01
26.	Hàm lượng Niken	SMEWW3111B:2017	mg/L	<0,02 <sup>(b)</sup>	<0,02 <sup>(b)</sup>	<0,02 <sup>(b)</sup>	0,07



TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
27.	Hàm lượng Selen	SMEWW3114B:2017	mg/L	<0,002 <sup>(b)</sup>	<0,002 <sup>(b)</sup>	<0,002 <sup>(b)</sup>	0,01
28.	Hàm lượng Florua	SMEWW4500D:2017	mg/L	<0,3 <sup>(a)</sup>	<0,3 <sup>(a)</sup>	<0,3 <sup>(a)</sup>	1,5

**b) Chỉ tiêu vi sinh:**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	PP thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả			Giá trị giới hạn
				M1	M2	M3	
1.	Coliform <sup>(*)</sup>	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	<3
2.	E.coli <sup>(*)</sup>	TCVN6187-1:2009	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	<1
3.	S. aureus	SMEWW 9213B	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	<1
4.	P. aeruginosa <sup>(*)</sup>	TCVN 8881 : 2011	CFU/100ml	KPH	KPH	KPH	<1

*Ghi chú:* KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)

Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LOD E.coli, Coliform : 01CFU/100ml

**1. Về kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu Hóa, Lý:** Có 27/28 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép, chỉ tiêu chưa đạt tiêu chuẩn cho phép cần khắc phục gồm: Hàm lượng Clo dư tự do.

**2. Về kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu Vi sinh vật:** Có 4/4 chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép.

**IV. Kiến nghị**

1. Nhà máy nước Đông Hưng – Công ty cổ phần cấp nước Đông Hưng:

- Qua kết quả kiểm nghiệm cho thấy các mẫu nước đều có hàm lượng Clo dư tự do chưa đạt tiêu chuẩn, cần điều chỉnh, khắc phục. Đề nghị cơ sở cấp nước phải rà soát kiểm tra lại ngay hệ thống khử trùng, điều chỉnh hàm lượng Clo, khắc phục các chỉ tiêu chưa đạt tiêu chuẩn thực hiện việc xét nghiệm lại các chỉ tiêu chưa đạt, thực hiện báo cáo khắc phục về các cơ quan chức năng theo quy định hiện hành.

- Thực hiện xét nghiệm các chỉ tiêu nhóm B theo quy định tại Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh Thái Bình, Quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

- Đối với các chỉ tiêu có tính chất biến động (Hàm lượng Clo dư tự do, Độ đục...) đề nghị cơ sở cấp nước tiếp tục theo dõi chặt chẽ hàng ngày; thường xuyên kiểm soát chất lượng nước nguyên liệu để có kế hoạch điều chỉnh hóa chất xử lý phù hợp.

- Khi có dấu hiệu bất thường về chất lượng nước cần thông báo ngay cho người dân và các cơ quan chức năng để phối hợp giải quyết.

2. Đề nghị các ngành chức năng và chính quyền địa phương:

- Giám sát việc cải thiện, khắc phục các chỉ số chưa đạt mà cơ quan chuyên môn đã nêu trên;



- Thường xuyên nắm bắt thông tin phản ánh của người dân và dư luận để kịp thời phối hợp kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của cơ sở cấp nước.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Sở Y tế;
- Sở Xây dựng;
- Sở Nông Nghiệp&PTNT;
- UBND huyện Đông Hưng;
- UBND xã Đông La;
- Công ty CP cấp nước Đông Hưng;
- Nhà máy nước Đông Hưng;
- TT Y tế Đông Hưng;
- Lưu VT, SKMT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lê Thị Hồng Nhung**